

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 23904
	Giờ..... Ngày 26 tháng 7 năm 11

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Quý vị có thể xem toàn văn Báo cáo tài chính này tại Website: yetevietnhat.com.vn

Hà Nội, Tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

MỤC LỤC

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Hường	Chủ tịch
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Thành viên
Ông Phạm Văn Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên
Bà Hồ Bích Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Điền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2011)
Bà Đặng Thập Nương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2011)
Bà Đặng Nhị Nương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Hường	Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Thanh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Văn Hương

Giám đốc

Ngày 04 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính
 Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**QUÝ 2 - 2011****Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011**

MÁU B 01-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	1/4/2011
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn				
[(100)=110+120+130+140+150]	100		303,274,557,450	293,671,124,086
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3,568,910,131	5,050,572,252
1. Tiền	111	V.01	3,568,910,131	5,050,572,252
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)				
(2)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170,315,069,849	178,916,511,999
1. Phải thu khách hàng	131		165,324,143,852	172,659,489,088
2. Trả trước cho người bán	132		4,990,925,997	6,226,917,911
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ KHHĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03		30,105,000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		127,334,566,798	104,237,138,444
1. Hàng tồn kho	141	V.04	127,334,566,798	104,237,138,444
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,056,010,672	5,466,901,391
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10,166,123	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	483,660,126	369,860,748
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,562,184,423	5,097,040,643
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		235,808,336,892	250,905,895,195
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		225,815,825,155	239,709,012,060
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	218,492,870,594	230,448,327,017
- Nguyên giá	222		338,906,334,937	333,583,523,103
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(120,413,464,343)	(103,135,196,086)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	7,322,954,561	9,260,685,043

- Nguyên giá	225		34,448,541,900	34,448,541,900
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(27,125,587,339)	(25,187,856,857)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228		17,000,000	17,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17,000,000)	(17,000,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7,000,000,000	7,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	7,000,000,000	7,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,992,511,737	4,196,883,135
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2,992,511,737	4,196,883,135
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		539,082,894,342	544,577,019,281
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		235,228,942,206	247,516,209,030
I. Nợ ngắn hạn	310		187,840,997,206	198,767,995,030
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	107,465,929,339	80,010,171,220
2. Phải trả người bán	312		38,665,179,209	64,062,460,139
3. Người mua trả tiền trước	313		8,629,847,358	18,982,223,758
4. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	31,751,682,676	35,686,516,811
5. Phải trả người lao động	315		817,930,574	26,623,102
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ KH HĐ xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	510,428,050	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		47,387,945,000	48,748,214,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		10,412,610,000	10,412,610,000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	36,975,335,000	38,335,604,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		303,853,952,136	297,060,810,251
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	303,853,952,136	297,060,810,251
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		242,000,000,000	242,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			

5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(7,837,949,017)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,883,130,821	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		67,808,770,332	55,060,810,251
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300 + 400)	440		539,082,894,342	544,577,019,281
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	0			
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				



Lê Văn Hương

Giám đốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Hồ Bích Ngọc

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
 Quý 2/2011

MẪU B 02-DN
 Đơn vị: VND

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Từ ngày 1/4/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 1/4/2010 đến ngày 30/06/2010	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	93,418,995,817		55,558,801,954	148,977,797,771
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		93,418,995,817		55,558,801,954	148,977,797,771
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	59,538,236,479		38,752,475,539	98,290,712,018
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		33,880,759,338		16,806,326,415	50,687,085,753
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	104,488,625		16,367,804	120,856,429
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	5,479,057,306		3,331,567,322	8,810,624,628
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,473,564,045		3,331,567,322	8,805,131,367
8	Chi phí bán hàng	24		98,376,331		872,278,013	970,654,344
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,672,406,020		2,500,721,755	11,173,127,775
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 11 - 8 - 9)	30		19,735,408,306		10,118,127,129	29,853,535,435
11	Thu nhập khác	31		30,191,275		139,389,171	169,580,446
12	Chi phí khác	32		240,050,772		172,617	240,223,389
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(209,859,497)		139,216,554	(70,642,943)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19,525,548,809		10,257,343,683	29,782,892,492
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	4,894,457,907		2,564,335,921	7,458,793,828
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		14,631,090,902		7,693,007,762	22,324,098,664
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					



Lê Văn Hương
 Giám đốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

[Handwritten signature]

Hồ Bích Ngọc
 Kế toán trưởng

Ghi chú: Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 09 năm 2010. Kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2011 đến ngày 26/09/2011, công ty hoạt động theo mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên. Vì vậy, theo quy định của chế độ kế toán hiện hành công ty không bắt buộc phải lập Báo cáo tài chính Quý II/2010. Theo đó, Báo cáo tài chính quý I/2011 chỉ có số liệu so sánh với quý I/2011 (số liệu cột số (6) để trống)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
 Quý 2-2011

MÁU B 03-DN
 Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/4/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	1. Lợi nhuận trước thuế	01		19,525,548,809	10,257,343,683
2	2. Điều chỉnh cho các khoản				
	- Khấu hao TSCĐ	02		19,215,998,739	7,049,352,333
	- Các khoản dự phòng	03			
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1,073,898,167	
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			
	- Chi phí lãi vay	06		5,473,564,045	3,331,567,322
3	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45,289,009,755	20,638,263,343
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12,063,098,191	(3,775,562,227)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23,097,428,354)	(24,990,901,340)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(50,247,601,544)	29,086,862,382
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,204,371,398	(2,043,411,463)
	- Tiền lãi vay đã trả	13		(5,403,763,010)	(3,331,567,322)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		34,352,295	(34,352,295)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(183,966,434)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20,341,927,703)	15,549,331,078
II	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5,322,811,834)	(52,315,529,000)
2	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7	chia	27			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5,322,811,834)	(52,315,529,000)
III	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			

2	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	103,199,294,526	39,409,623,255
4	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(78,653,662,615)	
5	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(362,554,500)	
6	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24,183,077,411	39,409,623,255
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(1,481,662,121)	2,643,425,333
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,050,572,252	2,407,146,924
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	3,568,910,131	5,050,572,252



Lê Văn Hương
Giám đốc

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Ghi chú: Công ty CP thiết bị y tế Việt Nhật được chuyển đổi từ công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/09/2010. Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 26/9/2010, công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH 2 thành viên trở lên. Vì vậy, theo quy định của chế độ kế toán hiện hành công ty không bắt buộc phải lập Báo cáo tài chính quý II/2010. Theo đó, Báo cáo tài chính quý II/2011 chỉ có số liệu so sánh với quý I/2011, không có số liệu so sánh với quý II/2010.

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I- THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật (Gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 09 năm 2010. Tiền thân của Công ty là Công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 27 tháng 09 năm 2010, Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật thành Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật. Theo đó, toàn bộ tài sản, nguồn vốn của Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật được chuyển sang từ Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 242.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên tại ngày 30/6/2011 là 201 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh:

- Thiết bị y tế

3- Ngành, nghề kinh doanh:

- Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế

- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế

- Cho thuê, khai thác thiết bị y tế

- Sản xuất, lắp ráp, gia công trong nước và xuất khẩu: Linh kiện, thiết bị y tế. Linh kiện, thiết bị điện tử; và

- Phòng khám đa khoa (không kinh doanh tại trụ sở).....

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.**II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12). Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2011 đến 30/06/2011.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.: Đồng Việt Nam (VND)

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1- Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ tài chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung**IV- Các chính sách kế toán áp dụng**

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp

Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn.

3. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định Kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Phương tiện, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Tài sản đi thuê tài chính của Công ty là các máy móc thiết bị y tế và được Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng sáu (06) năm.

7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị website của Công ty. Giá trị website được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Công ty đã trích hết khấu hao giá trị website.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí phát sinh phục vụ hoạt động liên kết với các bệnh viện được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm.

9. Vốn chủ sở hữu, trích lập quỹ

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính. Việc trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận chưa phân phối hằng năm dựa trên tỷ lệ phần trăm theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các quỹ được sử dụng cho các mục đích cụ thể theo quyết định của cổ đông.

10. Ngoại tệ

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Từ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÁU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

11. Ghi nhận doanh thu, chi phí***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÁU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với hoạt động liên kết với các bệnh viện, doanh thu được ghi nhận căn cứ vào Biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và bệnh viện.

Chi phí

Chi phí hoạt động phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế phát sinh và ước tính đúng kỳ kế toán.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

13. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MAU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

(Đơn vị tính: VND)

	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
01- Tiền		
- Tiền mặt	1.306.938.436	3.333.818.259
- Tiền gửi ngân hàng	2.261.971.695	1.716.753.993
- Tiền đang chuyển
Cộng	3.568.910.131	5.050.572.252
02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng
03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
a – Phải thu các khách hàng		
+ Công ty TNHH thiết bị y tế và dụng cụ y khoa 3P	3.312.462.500	5.503.462.500
+ Bệnh viện Bạch Mai	94.788.707	3.410.742.335
+ Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	2.266.049.122	2.720.692.969
+ Công ty CP đầu tư y tế Việt Nhật	65.383.580.799	68.130.388.311
+ Công ty TNHH MTV 16A Hà Đông	12.030.225.000	15.080.255.000
+ Công ty TNHH đầu tư trang thiết bị Đại Dương	1.214.320.200	1.214.320.200
+ Doanh Nghiệp tư nhân Việt Hoa	951.280.000	1.427.500.000
+ Công ty TNHH thiết bị kỹ thuật HB	38.562.139.050	39.550.788.000
+ Phòng khám đa khoa Khang Đức	4.083.750.000	8.213.750.000
+ Công ty TNHH phát triển y học Việt	12.360.360.176	14.370.085.176
+ Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang	187.840.000	1.323.844.000
+ Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng	1.256.725.000	1.309.000.000

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nam		
+ Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình	52.200.000	1.533.721.654
+ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa	4.791.000.000	
+ Công ty TNHH TTBYT Ánh Ngọc	990.000.000	
+ Các khách hàng khác	17.787.423.298	8.870.938.943
b - Phải thu về cổ phần hoá		
c - Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
d - Phải thu người lao động		
e - Phải thu khác		
Cộng	165.324.143.852	172.659.489.088
04- Hàng tồn kho	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Hàng mua đang đi đường
- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí SX, KD dở dang	13.167.085.371	...
- Thành phẩm
- Hàng hóa	114.167.481.427	104.237.138.444
- Hàng gửi đi bán
- Hàng hoá kho bảo thuế
- Hàng hoá bất động sản
Cộng giá gốc hàng tồn kho	127.334.566.798	104.237.138.444

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là các chi phí khấu hao máy móc thiết bị y tế, chi phí lương cho cán bộ trực máy phục vụ hoạt động liên kết với các bệnh viện. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, có một số bệnh viện chưa hoàn thiện xong công tác nghiệm thu đối chiếu khối lượng công việc thực hiện trong kỳ nên Công ty chưa ghi nhận được doanh thu và kết chuyển giá vốn tương ứng.

Hàng hóa tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là các máy móc thiết bị, dụng cụ y tế, vật tư tiêu hao y tế....

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, hàng hóa với giá trị là **12.056.343.000 đồng** đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÁU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

05- Tài sản ngắn hạn khác	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.562.184.423	5.097.040.643
Cộng	1.562.184.423	5.097.040.643
06- Phải thu dài hạn nội bộ		
- Cho vay dài hạn nội bộ
...
- Phải thu dài hạn nội bộ khác
Cộng
07- Phải thu dài hạn khác	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Ký quỹ, ký cược dài hạn
- Các khoản tiền nhận ủy thác
- Cho vay không có lãi
- Phải thu dài hạn khác
Cộng

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp

Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÁU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

08 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư tại ngày 01/04/2011	947.314.756	316.880.471.867	15.396.596.166	359.140.314	333.583.523.103
Mua trong kỳ		5.386.696.050		64.203.175	5.450.899.225
Giảm khác		(128.078.391)			(128.078.391)
Số dư tại ngày 30/06/2011	947.314.756	322.139.080.526	15.396.596.166	423.343.489	338.906.334.937
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/04/2011	103.904.785	96.245.912.173	6.537.758.287	247.620.841	103.135.196.086
- Khấu hao trong kỳ	42.058.047	16.635.171.716	583.907.571	17.130.923	17.278.268.257
- Tăng khác					
- Giảm khác					
Số dư tại ngày 30/06/2011	145.962.832	112.881.083.889	7.121.665.858	264.751.764	120.413.464.343
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/04/2011	843.409.971	220.634.559.694	8.858.837.879	111.519.473	230.448.327.017
Tại ngày 30/06/2011	801.351.924	209.257.996.637	8.274.930.308	158.591.725	218.492.870.594

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, giá trị còn lại của tài sản đem thế chấp cầm cố cho các khoản vay là 68.177.929.620 đồng, nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.136.314.952 đồng.

Theo hợp đồng liên doanh liên kết đầu tư giữa Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật (nay là Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật) và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ ký ngày 10 tháng 09 năm

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp

Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2007, Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật hợp tác với bệnh viện để đầu tư xây dựng tòa nhà khám bệnh chất lượng cao 11 tầng và mua sắm các trang thiết bị y tế dụng cụ phục vụ cho khám chữa bệnh chất lượng cao. Tổng mức đầu tư của dự án là 320.623.338.000 đồng, trong đó Công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật góp 75% tương đương với số tiền là 240.467.503.500 đồng (góp bằng tiền và bằng thiết bị y tế). Đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật đã góp 7 tỷ đồng tiền mặt (Thuyết minh số V.7) và 46.582.473.000 đồng là thiết bị y tế. (31/12/2010: 5.586.672.000 cộng với phần phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2011 nữa)

09- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	...	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính					
Số dư tại ngày 01/04/2011		34.448.541.900			34.448.541.900
- Thuê tài chính trong kỳ					
- Giảm khác					
Số dư tại ngày 30/06/2011		34.448.541.900			34.448.541.900
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/04/2011		25.187.856.857			25.187.856.857
- Khấu hao trong kỳ		1.937.730.482			1.937.730.482
- Giảm khác					
Số dư tại ngày 30/06/2011		27.125.587.339			27.125.587.339
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính					
- Tại ngày 01/04/2011		9.260.685.043			9.260.685.043
- Tại ngày 30/06/2011		7.322.954.561			7.322.954.561

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình thể hiện chi phí thiết lập website Công ty có nguyên giá 17.000.000 đồng.

Đến ngày 26 tháng 09 năm 2010, Cty đã trích hết khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Tổng số chi phí XDCB dở dang:		
Trong đó (Những công trình lớn):		
+ Công trình.....		
+ Công trình.....		
+.....		
12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:		
* <i>Thuyết minh số liệu và giải trình khác:</i>		
13- Đầu tư dài hạn khác:	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Đầu tư trái phiếu
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu
- Cho vay dài hạn
- Đầu tư dài hạn khác vào công ty liên doanh, liên kết vào bệnh viện đa khoa Phú Thọ	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	7.000.000.000	7.000.000.000
Theo hợp đồng liên doanh liên kết đầu tư giữa Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật (nay là Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật) và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ ký ngày 10 tháng 09 năm 2007, Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật hợp tác với bệnh viện để đầu tư xây dựng tòa nhà khám bệnh chất lượng cao 11 tầng và mua sắm các trang thiết bị y tế dụng cụ phục vụ cho khám chữa bệnh chất lượng cao. Tổng mức đầu tư của dự án là 320.623.338.000 đồng, trong đó Công ty TNHH thiết bị y tế Việt Nhật góp 75% tương đương với số tiền là 240.467.503.500 đồng (góp bằng tiền và bằng thiết bị y tế). Đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật đã góp 7 tỷ đồng tiền mặt và 46.582.473.000 đồng là thiết bị y tế (Thuyết minh số V.4).		
14- Chi phí trả trước dài hạn	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Chi phí phục vụ hoạt động liên kết với các bệnh viện	1.559.804.074	
- Chi phí công cụ, dụng cụ	780.178.764	180.257.719
- Chi phí trả trước dài hạn khác	652.528.899	4.016.625.416
Cộng	2.992.511.737	4.196.883.135

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15- Vay và nợ ngắn hạn	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
Vay ngắn hạn, trong đó:		
+ Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam	-	8.179.688.480
+ Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	79.557.139.589	50.319.563.790
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	23.230.910.000	16.999.409.950
+ Ngân hàng TMCP Liên Việt	-	-
+ Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội	3.157.860.715	3.786.400.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
Công ty Cho thuê TC- NHNTVN	1.520.019.035	725.109.000
Cộng	107.465.929.339	80.010.171.220

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng số 005/2011/HĐTDHM ngày 08 tháng 02 năm 2011 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 005.01/2011/TTSD - HĐTDHM ngày 29 tháng 03 năm 2011 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quế Võ và Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật với hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay kể từ thời điểm ký hợp đồng tín dụng này đến hết ngày 31 tháng 03 năm 2012. Thời hạn cho vay cụ thể theo mỗi lần giải ngân được ghi trên từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 06 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo Quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ tối thiểu 3%/năm đối với VND và tối thiểu 2,8%/năm đối với USD và EUR. Công ty sử dụng 04 xe ô tô, máy móc thiết bị y tế,... và tài sản của bên thứ ba để thế chấp cho khoản vay này theo các hợp đồng thế chấp số 083/2010/HĐTC ngày 10/6/2010, 087/2010/HĐTC ngày 25/6/2010, 109/2010/HĐTC ngày 12/7/2010, 167/2010/HĐTC ngày 16/12/2010 và 01/2010/HĐTC ngày 12/1/2011.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2662/HĐTD2-VIB05/11 ngày 21 tháng 05 năm 2011, tổng hạn mức tín dụng ngắn hạn là 30.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức tín dụng ngắn hạn là 28.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương, hạn mức tín dụng mở LC là 30.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 20.000.000.000 đồng. Thời hạn hạn mức: 12 tháng, thời hạn mỗi khế ước không quá 6 tháng, nợ gốc được trả vào cuối kỳ của khoản vay, nợ lãi được trả vào ngày 15 hàng tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất cho vay thả nổi và áp dụng tại thời điểm giải ngân. Công ty sử dụng máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty và tài sản của bên thứ ba để đảm bảo cho khoản vay này.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1012/VP02/HĐTD - NH/2010 ngày 29/12/2010 với số tiền vay là 200.000 USD. Khoản vay này chịu lãi suất vay trong hạn là 8,2%/năm, điều chỉnh lãi suất vay trong hạn 3 tháng 1 lần kể từ ngày giải ngân khoản vay và thời hạn vay trong 6 tháng. Công ty sử dụng tài sản cố định với giá trị 7.500.000.000 đồng để đảm bảo khoản vay trên.

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Thuế giá trị gia tăng	109.704.499	1.934.048.000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu	13.850.150	34.945.824
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.618.566.747	33.717.522.987
- Thuế thu nhập cá nhân	9.561.280	
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	31.751.682.676	35.686.516.811
17- Chi phí phải trả	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
- ...		
Cộng
18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Tài sản thừa chờ giải quyết
- Kinh phí công đoàn
- Bảo hiểm xã hội	172.722.000
- Bảo hiểm y tế	5.427.000	...
- Bảo hiểm thất nghiệp	15.702.000	...
- Phải trả về cổ phần hoá
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	316.577.050	
Cộng	510.428.050	

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19- Phải trả dài hạn nội bộ

- Vay dài hạn nội bộ
- Phải trả dài hạn nội bộ khác....

Cộng

20- Vay và nợ dài hạn	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
a - Vay dài hạn:	36.975.335.000	37.610.495.000
Vay ngân hàng, trong đó:		
+ Ngân hàng TMCP công thương	33.163.825.000	33.163.825.000
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN	3.811.510.000	4.446.670.000
Vay các đối tượng khác:		
Trái phiếu phát hành		
b – Nợ dài hạn	1.450.218.000	725.109.000
Thuê tài chính		
+ Công ty CTTC – NHNTVN	1.450.218.000	725.109.000
Nợ dài hạn khác		
Cộng	38.425.553.000	38.335.604.000

Khoản vay Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng thuê tài chính sau:

Hợp đồng số 20.07.06/CTTC ngày 14/03/2007, trị giá gốc tính cho thuê là 3.709.860.000 đồng, thời hạn thuê là 60 tháng, thời gian thu hồi nợ gốc là 60 tháng, không có thời gian ân hạn, nợ gốc và lãi được thanh toán định kỳ 3 tháng/lần. Giá trị gốc còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là: 741.972.000 đồng. Số dư gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 đã được trình bày trên khoản mục nợ dài hạn đến hạn trả tại Thuyết minh số V.9.

Hợp đồng số 20.07.08/CTTC ngày 14/03/2007, trị giá gốc tính cho thuê: 3.541.230.000 đồng, thời hạn thuê là 60 tháng, thời gian thu hồi nợ gốc là 60 tháng, không có thời gian ân hạn, nợ gốc và lãi được thanh toán định kỳ 3 tháng/lần. Giá trị gốc còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 708.246.000 đồng. Số dư gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 đã được trình bày trên khoản mục nợ dài hạn đến hạn trả tại Thuyết minh số V.9.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 258/2009/HĐTD ngày 18/08/2009, số tiền cho vay bằng VND quy đổi tối đa là 237.750 USD, thời hạn cho vay 24 tháng, thời gian ân hạn 2 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất cho vay VND tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm. Lãi suất tiền vay sẽ được điều chỉnh theo quy định của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Công ty đã sử dụng toàn bộ giá trị tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 2203/HĐTD2-VIB09/10 được ký giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật (nay là Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật) ngày 18 tháng 09 năm 2010. Số tiền vay là 2.214.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay: áp dụng tại thời điểm giải ngân điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÁU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

doanh VND kỳ hạn 03 tháng + BDDSLTT 3.1%/năm. Phương thức trả nợ: trả gốc 03 tháng/lần. Trả lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần vào ngày 15. Tài sản đảm bảo: 01 xe tô tô con hiệu Lexus.

Hợp đồng tín dụng số 2199.01/HDTD2VIB09/10 được ký giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật ngày 13 tháng 09 năm 2010. Số tiền vay: 848.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trả gốc 03 tháng/lần. Trả lãi theo dư nợ giảm dần vào ngày 15 hàng tháng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1832/HDDTD ngày 10/02/2010, Số tiền cho vay tối đa là 158.900 USD quy đổi ra 3.035.000.000 đồng, lãi suất tùy thời kỳ, gốc trả dần trong thời gian vay vốn và trả hết vào ngày đến hạn của kế ước.

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Từ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22- Vốn chủ sở hữu**a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch TG hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận Chưa phân phối (lỗ lũy kế)	Cộng
A	1	2	3	7	9
Số dư 01/04/2011	242.000.000.000			55.060.810.251	297.060.810.251
Tăng trong kỳ		(7.837.949.017)	1.883.130.821	12.747.960.081	6.793.141.885
- Tăng vốn trong kỳ					
- Lãi trong kỳ				12.747.960.081	
- Tăng khác					
- Giảm vốn trong kỳ		(7.837.949.017)			
- Lỗ trong kỳ			1.883.130.821		
- Giảm khác					
Số dư ngày 31/03/2011	242.000.000.000	(7.837.949.017)	1.883.130.821	67.808.770.332	303.853.952.136

Theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 06 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật, Công ty trích 5% quỹ đầu tư phát triển trên lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2010, chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát số tiền là 105.000.000 đồng.

(*) Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán.

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tại ngày 30/06/2011

Tại ngày 01/04/2011

Vốn góp của các đối tượng khác, trong

đó:

+ Ông Lê Văn Hướng	133.100.000.000	133.100.000.000
+ Bà Nguyễn Phương Hạnh	12.100.000.000	12.100.000.000
+ Các cổ đông khác	96.800.000.000	96.800.000.000
Cộng	242.000.000.000	242.000.000.000

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Từ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
+ Vốn góp đầu năm
+ Vốn góp tăng trong năm
+ Vốn góp giảm trong năm
+ Vốn góp cuối năm
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

d- Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:.....

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:.....

đ- Cổ phiếu	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.200.000	24.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.200.000	24.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	24.200.000	24.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông	24.200.000	24.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.200.000	24.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	24.200.000	24.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu

e- Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển

- Quỹ dự phòng tài chính

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

- Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

23- Nguồn kinh phí	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/04/2011
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm
- Chi sự nghiệp	(...)	(...)
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm

24- Tài sản thuê ngoài	Tại ngày 30/6/2011	Tại ngày 01/04/2011
(1)- Giá trị tài sản thuê ngoài		
- TSCĐ thuê ngoài
- Tài sản khác thuê ngoài
(2)- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn
- Từ 1 năm trở xuống
- Trên 1 năm đến 5 năm
- Trên 5 năm

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

(Đơn vị tính: VND)

	Quý 2/2011	Quý 1/2011
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	93.418.995.817	55.558.801.954
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	74.516.429.692	42.667.783.748
- Doanh thu liên kết Thiết bị y tế	16.570.409.050	11.959.396.888
- Doanh thu dịch vụ khác	2.332.157.075	931.621.318
26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)
Trong đó:
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Quý 2/2011	Quý 1/2011
- Giá vốn hàng bán	53.601.322.081	31.908.127.918
- Giá vốn Liên kết Thiết bị y tế	4.174.788.899	6.743.003.621
- Giá vốn của dịch vụ khác	1.762.125.499	101.344.000
Cộng	59.538.236.479	38.752.475.539
29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý 2/2011	Quý 1/2011
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	104.488.625	16.367.804
- Doanh thu tài chính khác		
Cộng	104.488.625	16.367.804
30- Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý 2/2011	Quý 1/2011
- Lãi tiền vay	5.473.564.045	3.331.567.322
- Chi phí tài chính khác	5.493.261	
Cộng	5.479.057.306	3.331.567.322
31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Quý 2/2011	Quý 1/2011
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.525.548.809	10.257.343.683
Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế	52.282.820	
Thu nhập chịu thuế	19.577.831.629	10.257.343.683
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.894.457.907	2.564.335.921
Tổng	4.894.457.907	2.564.335.921

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)	Quý 2/2011	Quý 1/2011
33- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Quý 2/2011	Quý 1/2011
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền
Cộng

VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

(Đơn vị tính: VNĐ)

34- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**VIII- Những thông tin khác**

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

3- Thông tin về các bên liên quan:

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”(2):

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6- Thông tin về hoạt động liên tục:

7- Những thông tin khác. (3)



Lê Văn Hương

Giám đốc

Ngày 04 tháng 07 năm 2011

Hồ Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Quý vị có thể xem toàn văn báo cáo trên tại Website: yetevietnhat.com.vn